

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 16-10-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Phú Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1987; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp GL, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nơi ở hiện nay: Ấp LC, xã LG, huyện ĐH, tỉnh Long An, “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp GL, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2018 và bản tự khai - nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày:

Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GL vào năm 2009. Trước khi cưới, chị và anh T có tìm hiểu nhau khoảng 04 – 05 tháng. Sau khi cưới, chị về

làm dâu bên chồng. Trong thời gian sống chung, chị làm công nhân còn anh T làm thợ lặn biển. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn để phụ chị chăm sóc gia đình. Tuy nhiên, chị cố gắng chịu đựng và khuyên nhủ anh nhưng anh vẫn không thay đổi. Do đó, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 01/2018 đến nay. Anh T có đến nhà chị để đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị không đồng ý vì nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Võ Đăng K, sinh ngày 26-11-2008. Do cháu K đang học tại Trường Tiểu học Đặng Văn Trước nên ở với anh T. Cuối tuần, chị rước cháu K về nhà cha mẹ chị ở. Vợ chồng có 02 xe mô tô (01 xe Wave, 01 xe Luvias). Vợ chồng có nợ Ngân hàng A – chi nhánh huyện TB số tiền 70.000.000 đồng. Ngoài ra không có nợ ai khác. Chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: anh T có trách nhiệm một mình trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh xác nhận anh và chị L chung sống vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 01 con chung, về tài sản chung và nợ chung như chị L trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì cả. Nguyên nhân chị L yêu cầu ly hôn với anh là do chị L muốn tự do đi với bạn bè. Nay anh yêu cầu đoàn tụ vì còn thương vợ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn. Về con chung: theo nguyện vọng của con. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị L đối với anh T.

Về con chung: Giao con chung tên Phạm Võ Đăng K, sinh ngày 26-11-2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GL nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị L cho rằng nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm để phụ chị xây dựng gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Nay chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn, anh T yêu cầu được đoàn tụ vì còn thương vợ. Xét yêu cầu xin đoàn tụ của anh T thấy rằng vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2018, trong thời gian ly thân vợ chồng có đặt vấn đề đoàn tụ nhưng không thành. Ngoài ra, anh không đến tham gia hòa giải thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Do đó, yêu cầu xin đoàn tụ của anh T là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên Phạm Võ Đăng K, sinh ngày 26-11-2008, hiện đang sống với chị L, anh T. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con. Qua hỏi ý kiến của cháu K cũng có yêu cầu theo sống với chị L. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu K cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với số nợ 70.000.000 đồng, Ngân hàng xác nhận anh T đã trả xong nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị L đối với anh Phạm Văn T.

Chị Võ Thị L được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Võ Đăng K, sinh ngày 26-11-2008 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0016064 ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã Gia Lộc;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm